

Bản án số: 661/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 29/8/2024  
V/v tranh chấp: “ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đoàn Văn Rỹ

2. Bà Nguyễn Thị Kính

**- Thảo ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8** tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhân – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 238/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Thanh B, sinh năm 1978 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: B N, Phường I, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà Kiên Thị H, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: 9 H, Phường H, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại Đơn khởi kiện ngày 05/3/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Phạm Thanh B trình bày:**

Ông Phạm Thanh B và bà Kiên Thị H tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01/2005 của Ủy ban nhân dân Phường H1, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/3/2005. Ông B và bà H có với nhau hai người con chung tên Phạm Minh K (nam), sinh ngày 05/11/2001 và Phạm Minh K1 (nam), sinh ngày 15/11/2004. Cuộc sống gia đình không hạnh phúc, vợ chồng không có sự tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, mặc dù ông B đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Hiện ông B và bà H đã sống ly thân từ năm 2013

đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể hàn gắn được nữa nên ông B yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà H.

Về con chung: Hai người con chung tên Phạm Minh K và Phạm Minh K1 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông B khai hai bên không có tài sản chung và không có thiếu nợ chung của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Trong quá trình giải quyết vụ án:** Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt cho bà Kiên Thị H các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà H không đến làm việc và hòa giải nên không ghi nhận được ý kiến của bà H. Ngày 05/6/2024, Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được do bị đơn là bà Kiên Thị H vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ, đồng thời nguyên đơn là ông Phạm Thanh B có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

**\* Tại phiên tòa:**

- Chủ tọa phiên tòa công bố: nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Chủ tọa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, thời hiệu, quan hệ pháp luật tranh chấp. Những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn khởi kiện của ông Phạm Thanh B, xác định đây là vụ án dân sự về việc “Ly hôn”. Bị đơn cư trú tại Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Thanh B và bà Kiên Thị H tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01/2005 của Ủy ban nhân dân Phường H1, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/3/2005 nên có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa ông B và bà H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo ông B thì cuộc sống chung không hạnh phúc xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Ông và bà H đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy cuộc sống chung không đem lại hạnh phúc cho ông B, bà H không đến Tòa án để trình bày ý kiến và hòa giải chứng tỏ bà H cũng không còn quan tâm đến cuộc sống chung. Vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ gắn bó lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 là chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ông B được ly hôn với bà H.

[3.2] Về con chung: Ông Phạm Thanh B và bà Kiên Thị H có hai người con chung tên Phạm Minh K (nam), sinh ngày 05/11/2001 và Phạm Minh K1 (nam), sinh ngày 15/11/2004 đã thành niên.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Ông Phạm Thanh B khai không có. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà Kiên Thị H không có mặt để trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

**Xử:**

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thanh B.**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Thanh B được ly hôn với bà Kiên Thị H.

- Về con chung: Ông Phạm Thanh B và bà Kiên Thị H có hai con chung tên Phạm Minh K (nam), sinh ngày 05/11/2001 và Phạm Minh K1 (nam), sinh ngày 15/11/2004 đã thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Ông Phạm Thanh B khai không có. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà Kiên Thị H không có mặt để trình bày ý kiến nên Tòa án không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Ông Phạm Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông B đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000784 ngày 25/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

**3. Về quyền kháng cáo:** Ông Phạm Thanh B và bà Kiên Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND Quận 8;
- TAND Tp. HCM;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND Phường 8, Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thúy Hằng**



